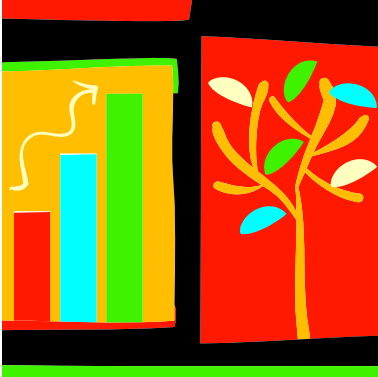


ĐÔNG Y



Cho đến gần đây, ở các nước Âu Mỹ người ta vẫn nghĩ rằng chỉ có Tây y là có căn bản khoa học và có giá trị, những phương pháp chữa trị khác đều bị hạn chế, không đáng tin cậy. Thế nhưng những khủng hoảng về y tế mới đây, cả trên việc chữa chạy một số bệnh trầm kha lẫn phí tổn điều trị đã khiến cho người ta phải xét lại nhiều quan điểm, trong đó có cả việc chấp nhận một số phương pháp luân chuyển (alternative medicine) để phụ với y thuật qui ước (conventional medicine). Tuy nhiên, bên cạnh những phương pháp chữa bệnh tương đối thô sơ và một số hình thức ngoại khoa mà hiệu quả còn đang trong vòng nghiên cứu của nhiều bộ môn dân gian, những y gia Âu Mỹ đang tìm hiểu và đánh giá lại y học Trung Hoa, vì đây không phải chỉ giản dị là một ngành thảo dược y (herbal medicine), dùng một số cây cỏ trong thiên nhiên để chữa bệnh thuần túy do kinh nghiệm cổ truyền như người ta thường thấy trong một số bộ lạc thiểu số.

Y học Trung Hoa có một quá trình lâu dài, có cơ sở lý luận và có cách thức điều trị, bao gồm cả phương (toa thuốc) lẫn pháp (cách lý luận). Nhiều đặc điểm và quan niệm y khoa của Trung Hoa được xem là rất tiến bộ, về cả phép chữa lẫn cách bào chế thuốc. Đông y cho rằng trị bệnh phải trị từ lúc

bệnh chưa phát, mỗi cá nhân là một tiểu vũ trụ có những nét đặc thù và vì thế thuốc men liều lượng phải gia giảm tùy từng người, tùy từng lúc, và đối với mỗi con bệnh, người thầy thuốc phải đưa ra một chiến lược khác nhau, uyển chuyển linh động, lúc tiến lúc thoái, khi kinh khi quyền chẳng khác gì một viên tướng ngoài mặt trận. Người thầy thuốc lại không hành xử như một nghề chuyên môn, mà thường phải nắm vững tình trạng sinh hoạt và tâm tính bệnh nhân, nhiều khi phải ở chung với gia chủ một thời gian trước khi đưa ra một biện pháp chữa trị. Biện pháp đó có thể bao gồm nhiều cách thức, đổi cách ăn uống, tập luyện thân thể, quan niệm sống. Nhiều danh y vốn dĩ là đạo sĩ, tinh thông nhiều ngành bao gồm tam giáo cửu lưu. Hoa Đà, một danh y đời Tam quốc cũng là người sáng tạo ra Ngũ Cầm Hí, một phương pháp tập luyện dựa theo động tác của năm loài vật. Mỗi thang thuốc là một tổng hợp cân đối dùng để điều chỉnh lại những mất thăng bằng, giúp cho con bệnh có đủ sức để đối kháng lại ngoại tà chứ không thay thế con bệnh làm nhiệm vụ phòng chống bệnh. Những quan niệm âm dương, khí huyết, tạng phủ, kinh lạc ... không phải chỉ là một mớ tin niệm mơ hồ mà nhiều phần đã được kiểm chứng một cách khoa học.

Một trong những vấn nạn lớn khi người Âu Tây nghiên cứu về y thuật Trung Hoa là họ muốn coi y học như một ngành riêng mà quên rằng quan niệm chữa bệnh bắt nguồn và tồn tại theo đời sống. Đối với cổ nhân, chữa bệnh chỉ là một giai đoạn, giai đoạn bắt buộc dĩ sau cùng phải thực hiện khi mọi phương thức khác đã thất bại. Để làm sao khỏe mạnh, người ta đã phải thông hiểu nhiều bộ môn khác, từ âm thực, đến dưỡng sinh, khí công, đạo dẫn, thổ nạp. Đó là chưa kể một số bìa môn khác, tuy không trực tiếp liên quan đến sức khỏe nhưng lại giúp cho con người sống đạt quan hơn như mệnh lý, phong thủy, thiên văn, lịch số. Tất cả các môn đó đều từ một nguồn, từ một quan điểm mà người ta cho là mọi thứ trong trời đất đều cùng một thể và nếu

như nhất pháp thông, thì vạn pháp thông. Chính đó là tâm điểm nở ra thành nền văn minh Trung Hoa. Trong bài này, chúng tôi chỉ làm nhiệm vụ biên khảo rất thô thiển, nhằm trình bày một số dữ kiện hơn là đi vào lý luận của Đông y.

Lịch sử

Y học Trung Hoa được hình thành do kinh nghiệm chữa bệnh trong nhiều ngàn năm, bao gồm cả các loại thuốc dân gian lẫn phương pháp lý luận. Sách vở về đông y tổng cộng từ trước đến nay có đến 6000 quyển, chép đầy đủ cả phòng bệnh, chữa bệnh. Ngoài việc dùng thuốc, đông y còn bao gồm cả châm cứu, xoa bóp, đạo dẫn (hô hấp, thổ nạp, khí công) và những phương pháp ngoại khoa. Các loại dược vật cũng thật phong phú, trong các loại sách bản thảo chép có khoảng 2500 loại khác nhau và cho tới nay nhiều học giả, y sĩ vẫn tiếp tục nghiên cứu để kết hợp cả đông y lẫn tây y hình thành một khoa học tân đông y, tân đông dược.

Cứ theo các học giả về Trung Hoa, ngay từ thời thượng cổ, con người khi đấu tranh để sống còn đã phải đối phó với những thiên tai, rắn độc, thú dữ và phải quan tâm đến việc phòng và trị bệnh. Thời kỳ đồ đá, người ta dùng những dụng cụ nhọn để mổ những mụn nhọt, khởi đầu cho phương pháp châm thích. Đến khi tìm ra lửa, dùng hơi nóng, để sưởi ấm, xoa bóp và làm giảm đau khởi đầu cho phương pháp ngải cứu và thôi nã. Những hiện tượng đó phát triển tự nhiên không phải ở một nơi mà hầu như ở bất cứ dân tộc nào trên thế giới. Chữa bệnh và dùng thuốc phát triển tự nhiên theo con người. Chính vì liên hệ trực tiếp đến đời sống, y dược có những điều kiện, ảnh hưởng và hạn chế, theo hoàn cảnh xã hội, chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa của mỗi thời đại.

Theo sử Tàu, thời viễn cổ, vì nhu cầu sinh tồn, con người phải làm “tổ” trên cây để tránh mưa nắng, gió bão và thú dữ. Sau đó, vì khí hậu và nóng lạnh,

di chuyển xuống hang động thiên nhiên, và biết cách dùng da thú hay vỏ cây để che thân. Tới khi nhân loại biết tập hợp thành bầy, việc sinh sống có tổ chức hơn, nên tìm cách làm nhà để ở. Theo Họa Sách trong Thương Quân Thư thì “vào thời vua Thần Nông, đàn ông trồng tía để kiếm đồ ăn, đàn bà dệt vải để làm quần áo”. Thời kỳ đó, việc làm sao có thể sống còn là điều quan trọng hơn hết.

Ở thời kỳ hái lượm, con người đi tìm thức ăn bằng cách thử các loại thảo mộc, thực và động vật. Từ những kinh nghiệm thực tế, họ biết được loại nào độc, loại nào không, loại nào ăn được, loại nào không ăn được. Cũng như những loài thú khác, con người còn có bản năng biết tìm đến những loại thực phẩm thiên nhiên để trị bệnh và từ đó tích lũy thành kiến thức về thuốc men. Trong Tu Vực Huấn, sách Hoài Nam Tử có chép: Vua Thần Nông nếm trăm loại cây cỏ để xem tư vị ra sao, uống các loại nước suối xem ngọt đắng thế nào, để cho dân biết cái nào nên, cái nào tránh. Lẽ dĩ nhiên chuyện này không phải thực mà chỉ để giải thích về quá trình kinh nghiệm mà người ta nghĩ là thời thượng cổ, cách duy nhất để tìm hiểu được tính là dùng thử xem hậu quả ra sao.

Khi xã hội chuyển từ thời hái lượm sang thời kỳ bộ tộc, con người biết hợp quần thành nhóm, có tôn ti trên dưới, biết sản xuất vật chất một cách hệ thống hơn, của cải ngày một nhiều, sinh hoạt văn hóa cũng theo đó mà dồi dào. Y học vì thế cũng tiến bộ. Theo những tài liệu viết bằng lối chữ cổ viết trên mai rùa và xương thú (giáp cốt văn) đào được ở Hồ Nam vào năm 1899, đời Quang Tự nhà Thanh, thì ngay từ thời Ân Thương người ta đã biết nhiều loại bệnh chẳng hạn như đau đầu, đau tai, đau mắt, đau mũi, đau răng ... Xem một số chữ tượng hình có thể hiểu được là thời đó người ta đã có một số ý niệm về bệnh chứng. Tuy nhiên, cũng như những xã hội thái sơ khác, người đời đó cho rằng bệnh tật là do ma quỷ làm nên việc chữa bệnh luôn

luôn gắn liền với thần quyền, thể hiện bằng cầu cúng, trừ tà, bắt ma, y học với tôn giáo cũng khó phân biệt, và thời đó thầy thuốc với các pháp sư, đồng cốt là một. Người ta cho rằng chữ shaman ngày nay dùng để chỉ các thầy pháp trong những bộ lạc chính là từ chữ phạn sramana để chỉ giai cấp tăng lữ, sau chuyển sang Hán ngữ thành sa môn. Thời kỳ đó, những pháp sư cũng là những người đi tiên phong về khoa học và y thuật, sau này thành tầng lớp đạo sĩ.

Tới thời Xuân Thu Chiến Quốc, xã hội Trung Hoa đã chuyển sang thời kỳ phong kiến. Vào thời kỳ này nhiều mặt sinh hoạt và tư tưởng đã tiến bộ rõ rệt. Chính trị, văn hóa, kinh tế biến đổi hẳn. Từ việc sử dụng mai rùa, phiến đá, da thú để ghi chép, người Trung Hoa đã biết dùng thanh tre, thanh gỗ và lụa để viết. Nhiều tài liệu có liên quan đến y thuật đã được các nhà khảo cổ tìm thấy trong thời gian gần đây. Trong những khai quật năm 1972, 73, 74 ở Cam Túc và nhất là tại đồi Mã Vương, Trường Sa, tỉnh Hồ Nam người ta đào được hơn 600 thanh tre và gỗ, trên đó không những ghi chép một số bệnh tật mà còn khoảng một trăm vị thuốc, cùng nhiều phương pháp chữa bệnh bao gồm cả châm (accupuncture) và cứu (moxibustion). Đặc biệt nhất, trong hai trăm thanh có ghi một số lý luận của Đông Y, viết theo cùng một phong cách như Hoàng Đế Nội Kinh và Ngoại Kinh. Ngoài ra, y thuật cũng có những bước ngoặt mới. Theo lịch sử, thời đó những thầy thuốc đã thành một nghề chuyên môn, chia ra nhiều ngành như nội khoa, phụ khoa, trẻ con, ngũ quan và cả thú y nữa. Y thuật lại cũng có nhiều phương pháp gồm cả châm cứu, thảo mộc, và mạch lý. Thời Chiến Quốc, Biển Thước[1] nước Tề đã nghiên cứu và lý luận về kinh mạch. Cũng thời đó, thầy thuốc tách ra thành một tầng lớp riêng, và đã phản đối phương thức trị bệnh của bọn vu thuật (đồng cốt, pháp sư) coi đó là tà môn không đúng đắn. Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên, Biển Thước Thương Công Liệt Truyện thì có sáu chứng, nếu

phạm vào thì lương y cũng không thể trị được, trong đó “tin đồng cốt không tin thầy thuốc” là một loại, tỏ ra rằng ngay từ thời bấy giờ người ta đã muốn tách rời y thuật và phương thuật.

Vì chung kinh nghiệm ngày một thêm nhiều, nên thời Chiến Quốc, các y gia đã tổng kết lại, mượn danh Hoàng Đế, soạn thành sách “Nội Kinh” bao gồm mười tám quyển, gồm phần “Tổ Vấn” chín quyển, và “Linh Khu” chín quyển. Đây là bộ sách thuốc đầu tiên của Trung Hoa, trong đó có đủ cả giải phẫu, sinh lý, bệnh lý, chẩn đoán, và trị liệu. Những nguyên tắc được xiển thuật trong sách này đến nay vẫn còn là căn bản cho những ai muốn nghiên cứu về Đông y. Bộ sách cũng đưa ra nhiều quan điểm rất hợp lý và khoa học, chẳng hạn tương quan giữa con người và thiên nhiên, sự biến chuyển của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe như thế nào. Vì bệnh tật với thời tiết, khí hậu có liên hệ chặt chẽ, nên mỗi địa phương, mỗi hoàn cảnh cần những phương pháp trị liệu khác nhau. Sách cũng nhấn mạnh vào việc trị bệnh từ khi chưa phát (trị vị bệnh, trị bệnh tất cầu ư bản) và khẳng định một nguyên tắc độc đáo là bệnh bị coi là bất khả trị là do chưa biết rõ căn bệnh như thế nào, hoặc người thầy thuốc chưa có đầy đủ kinh nghiệm, hiểu biết đồng thời cũng phản đối trị bệnh bằng hình thức mê tín, thiếu cơ sở.

“Nội Kinh” có từ bao giờ cho đến nay vẫn còn là điều tranh cãi. Một thuyết cho là một sản phẩm tổng kết kinh nghiệm của y gia kéo dài nhiều thế kỷ bắt đầu từ thời Chiến Quốc tới thời Tây Hán thì hoàn thành. Tuy nhiên, cũng như nhiều sách vở các ngành khác, y thư đều không còn nguyên bản mà đời nào cũng có người thêm thắt, san nhuận. Để cho thêm mức khả tín, nhiều phương sĩ không tự mình viết một quyển sách riêng mà sửa đổi và thêm vào sách cũ những quan điểm của mình, thác danh là của tiền nhân. Vì chung không phải do một người làm nên lý thuyết trong cũng có chỗ mâu thuẫn, nhưng đại để đều là những diễn dịch từ triết học âm dương, ngũ hành mà ra.

Âm dương, ngũ hành là một học thuyết giải thích tự nhiên, nhằm phi bác quan điểm quỷ thần, làm cơ sở cho việc phát triển của y học trong một mức độ nào đó. Thế nhưng phương pháp lý luận đó chưa hoàn toàn giải thích được mọi vấn đề nên vì thế y học cũng bị giới hạn theo. Học thuyết này xuất phát từ quan niệm Thiên Nhân Hợp Nhất, coi con người là một vũ trụ thu nhỏ, cái gì trời có thì người cũng có, áp dụng và suy diễn trong nhiều ngành mà chúng ta thấy nhan nhản trong thiên văn, phong thủy, tướng thuật, tử vi, tử bình ... Người ta lý luận “đầu tượng trời nên tròn, chân tượng đất nên vuông, trời có nhật nguyệt, người có hai mắt, trời có bốn mùa, người có tứ chi. Trời có mùa đông, mùa hạ, người có hàn nhiệt, trời có tinh tú, người có răng xương ...” Ngoài ra, Nội Kinh cũng đem cả những hiện tượng xã hội để giải thích y học, chẳng hạn như phân nội tạng ra quý tiện, dùng quân, thần, tương, tượng để mô tả các cơ năng, tạng tâm là quân (vua), đản trung là thần (bầy tôi), can là tướng (quan võ), phế là tương (quan văn). Nếu trên có minh chúa thì bên dưới yên ổn, thiên hạ xương thịnh. Việc chữa bệnh chủ yếu là tái tạo quân bình, bổ chỗ bất túc, tả chỗ hữu dư v ... v ... đều rút ra từ quan điểm hình nhi thượng học và xã hội học của Nho gia.

Sau Nội Kinh, nhiều tác phẩm khác cũng do tập hợp những kinh nghiệm cũ và bổ túc bằng những đóng góp mới mà thành. Đó là Bản Thảo Kinh, Thương Hàn Luận, và Kim Quỹ Yếu Lược, cộng với Nội Kinh được coi là bốn bộ kinh điển của y gia.

Bản Thảo Kinh tên nguyên thủy là Thần Nông Bản Thảo Kinh, được hình thành vào khoảng cuối đời Đông Hán, là của người sau thác danh họ Thần Nông sáng tác. Tác phẩm này tập hợp những kinh nghiệm về dược vật từ đời Hán trở về trước, tất cả 365 loại, trong đó thực vật chiếm đa số (252 vị), kể là động vật (67 vị) và sau cùng là khoáng thạch (46 vị) và có thể coi là cuốn sách về dược học đầu tiên của Trung Hoa. Dược thảo được chia làm ba loại,

thượng đẳng, trung đẳng và hạ đẳng. Thượng đẳng là những loại thuốc ích khí, dùng lâu không có hại gồm 120 vị. Trung đẳng là những vị thuốc bổ gồm 120 vị. Hạ đẳng là thuốc chữa bệnh gồm 125 vị. Những món thuốc bác thông thường đến nay vẫn còn dùng chẳng hạn như đại hoàng để thông tiện, lô hoản để sát trùng, hoàng liên dùng trị bệnh kiết lỵ, đương qui để điều kinh, thường sơn để trị sốt rét ... đều có chép trong bộ sách này.

Người ta thấy rằng ngay từ đời Hán người Tàu đã có những nhận định chính xác về nhiều loại dược vật, và cũng có những kinh nghiệm phong phú về việc sử dụng những loại thuốc đó. Hoa Đà đời Hán đã biết dùng những loại ma túy trong mổ xẻ, châm chích mụn nhọt trong những môn ngoại khoa.

Trong một ngôi mộ đời Hán tại gò Mã Vương, Trường Sa người ta đã đào được những loại dược vật đã bào chế tinh vi chứng tỏ ngay từ hơn hai nghìn năm trước người Tàu đã biết dùng thuốc để giữ cho thực phẩm khỏi hủ nát.

Tuy nhiên, trong Bản Thảo Kinh, cũng như bất cứ sách vở nào của Trung Hoa còn truyền lại đều không thiếu những thêm thắt của bọn phương, thuật sĩ cho ly kỳ, dùng vào những mục tiêu không thiết thực, chẳng hạn thuốc chống thôi thì dùng để ướp xác, thuốc bổ dùng vào việc phục vụ khoái lạc hay trường sinh.

Thương Hàn Luận và Kim Quĩ Yếu Lược, trước đây là cùng chung một bộ sách có tên là Thương Hàn Tạp Bệnh Luận do Trương Cơ (Trọng Cảnh) hồi cuối đời Đông Hán sáng tác. Cuốn sách tổng kết kinh nghiệm trị bệnh, phòng bệnh, các lý luận y khoa thêm kinh nghiệm định bệnh (lâm sàng) về thương hàn và tạp bệnh. Sách này đưa ra biện chứng định và chữa bệnh là một tác phẩm quan trọng trong tiến trình phát triển của Trung Y, chuyển từ một bộ môn chỉ dùng kinh nghiệm sang một khoa học lý luận có phương pháp. Người ta thấy rằng tương quan giữa văn hóa và y khoa rất mật thiết. Rất nhiều hệ luận và kết quả của tư tưởng được đem vào y học.

Ngoài bốn bộ sách cổ nêu trên, trên phương diện thảo dược học, đời nhà Lương có Đào Hoằng Cảnh chỉnh đốn lại Thần Nông Bản Thảo Kinh, tu đính thành bộ Danh Y Biệt Lục. Bộ sách này tăng số lượng dược thảo lên tới 730 vị nghĩa là gần gấp đôi bộ Bản Thảo Kinh. Cả hai được gộp lại thành bộ Bản Thảo Kinh Tập Chú là bộ sách Trung dược đầu tiên có thêm lời bình của y gia. Từ đó trở đi, bản thảo ngày càng thêm nhiều, đời Đường có Tân Tu Bản Thảo do triều đình tập trung các danh y lại soạn thành năm 659 và sau được in ra để sử dụng trên toàn quốc. Đó là bộ sách thuốc đầu tiên do chính quyền ban hành, cũng là bộ dược khoa từ điển đầu tiên của thế giới. Từ đời Đường tới đời Minh, về dược học, tại Trung Hoa có bốn lần tu bổ và thêm thắt do nhiều người thực hiện và bốn lần tu đính do công sức cá nhân. Tập thể thì có Tân Tu Bản Thảo (Đường), Thục Bản Thảo (Ngũ Đại), Khai Bảo Tân Bình Định Bản Thảo, Khai Bảo Trùng Định Bản Thảo (Tống) Gia Hữu Bổ Chú Bản Thảo (Tống). Về phần cá nhân có Bản Thảo Thập di do Trần Tàng Khí đời Đường soạn, Nhật Hoa Tử Chư Gia Bản Thảo do một người không rõ tính danh đời Tống soạn, Kinh Sử Chứng Loại Bị Cấp Bản Thảo do Đường Thận Huy đời Tống soạn, và Bản Thảo Diễn Nghĩa do Khấu Tông Thích đời Tống soạn. Ngoài việc càng ngày càng thêm những dược vật mới, cách dùng cũng mỗi lúc một phong phú hơn, việc bào chế cũng thêm đa dạng.

Đến đời Minh, một nhà dược thảo học vĩ đại của Trung Hoa là Lý Thời Trân hoàn thành một công trình to lớn chưa từng có. Ông đã tổng kết tất cả những sách vở cũ, đem tất cả những điều thực dụng, đích thân lên núi tìm kiếm những dược thảo mới, hỏi nông dân, ngư dân, tiều phu, những nhà trồng thuốc, và các thầy lang dân dã để thu thập kinh nghiệm, tìm hiểu sự sinh trưởng, cách sao tẩm, cách dùng tất cả các loại từ thân, rễ, củ, lá, hoa, các loại động vật đem về giải phẫu quan sát, so sánh các loại khoáng vật và cách

bào chế. Ông cũng tìm hiểu cách trồng tía, chế luyện, đọc hơn 800 cuốn sách thuốc, miệt mài trong hai mươi bảy năm viết thành bộ Bản Thảo Cương Mục, bao gồm 1892 dược phẩm đồng thời đưa ra những cơ sở cho phân loại thực vật. Có thể nói ông là một trong những thực vật gia đầu tiên làm việc có phương pháp khoa học.

Sau khi Bản Thảo Cương Mục ra đời, những dược thảo và y gia Trung Hoa tiếp tục nghiên cứu và tăng bổ thêm nhiều vị thuốc mới. Đời Thanh, Triệu Học Mẫn sáng tác Bản Thảo Cương Mục Thập Di, thu tàng 716 loại dược vật, phần lớn là những vị mà Bản Thảo Cương Mục chưa hề đề cập đến. Đây là những loại thuốc dân gian thường dùng như vạn niên thanh, nha đản tử, thái tử sâm, đông trùng hạ thảo ... là bộ sách rất thực dụng trong quần chúng.

Về sách vở viết về các phương thuốc (formulas) Thương Hàn Tập Bệnh Luận gom góp nhiều thang thuốc được coi như “phương thư chi tổ”. Đời Đường có Thiên Kim Yếu Phương, Thiên Kim Dục Phương và Ngoại Đài Bí Yếu, đời Tống có Thái Bình Thánh Huệ Phương, đời Minh có Phổ Huệ Phương đều là những sách viết về những thang thuốc tương đối phức tạp. Giản dị thì có Thái Bình Huệ Dân và Tể Cục Phương, Tể Sinh Phương đời Tống, tuy không có nhiều thang thuốc nhưng dùng vào việc trực tiếp quan sát để chẩn bệnh (lâm sàng) rất tiện lợi. Đời Thanh có Xuyên Nhã Nội Ngoại Biên của Triệu Học Mẫn sưu tập rất nhiều những phương thuốc dân gian của các thầy lang vườn (linh y) rất đáng quý. Sách vở về Đông y hiện nay đa số là sách chép các thang thuốc, và qua mỗi đời lại thêm nhiều phương thuốc mới, do những thầy lang thu thập mà thành là một kho tàng kinh nghiệm rất quan trọng.

Về nguyên do bệnh, triệu chứng và chẩn đoán, người xưa cũng gom góp được nhiều cả kinh nghiệm lẫn suy luận. Đời Tấn có Vương Thúc Hòa viết

Mạch Kinh, kế thừa cơ sở Nạn Kinh (tương truyền do Tần Việt Nhân tức Biển Thước soạn ra), chia mạch ra làm 24 loại, lại tổng kết toàn bộ ý nghĩa của các loại chẩn. Các danh y đời sau như Cao Dương Sinh, Thôi Tử Hư, Lý Thời Trân, Lý Sĩ Tài ... cũng bổ túc và đóng góp thêm về mạch học. Đời Tùy có Sào Nguyên Phương soạn bộ Chư Bệnh Nguyên Hào Luận, chép hơn 1700 loại bệnh tật, kỹ lưỡng chi li các triệu chứng đủ cả về bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh, miễn tính phản ứng ... có so sánh và phê bình từng loại một. Đời Tống có Trần Vô Trạch viết Tam Nhân Cực Nhất Bệnh Chứng Phương Luận, đưa ra ba loại nguyên nhân sinh bệnh tật là nguyên nhân từ bên ngoài (ngoại nhân), nguyên nhân từ bên trong (nội nhân) và không do bên ngoài hay bên trong. Tuy họ Trần chia ra làm ba loại nguyên nhân nhưng thực ra cũng đều là nguyên nhân từ bên ngoài cả.

Về phương pháp xem lưỡi để coi bệnh (thiệt chẩn) phát triển tương đối trễ, chỉ mới bắt đầu từ đời Nguyên. Thời đó tuy đã có sách bàn về chẩn đoán lưỡi nhưng chưa thành thực. Cho đến khi các thuyết về ôn bệnh học phát triển, việc xem lưỡi mới trở thành quan trọng và ngày càng thêm kinh nghiệm góp vào. Sang đời Thanh, Diệp Thiên Sĩ viết Ôn Nhiệt Luận, trong đó tổng kết các phương pháp xem lưỡi, đã được Vương Mạnh Anh nhận định là “phương pháp vừa tinh (kỹ lưỡng) vừa tường (rõ ràng)”.

Về châm cứu học thì ngày nay còn bộ Châm Cứu Giáp Ất Kinh là kỳ cựu nhất, do Hoàng Phủ Mật đời Tấn theo những luận thuật về kinh lạc, huyết vị, và phương pháp châm trong Nội Kinh, sửa đổi lại và thêm thắt những kiến thức của đời đó mà soạn thành. Đời Tống, Vương Duy Nhất tổng hợp lại tất cả những học thuật trong sách vở của người đi trước về châm cứu, thêm kinh nghiệm của chính mình, soạn thành cuốn “Đồng Nhân Thự Huyết Châm Cứu Đồ Kinh”. Cuốn này thống nhất tất cả những khác biệt của mọi phái, kế thừa công trình của Hoàng Phủ Mật, là một công trình đáng kể trong ngành

châm cứu học. Họ Vương cũng đúc hai người bằng đồng (đồng nhân), trên có ghi những huyết đạo và khởi thủy phương pháp huấn luyện cho ngành này một cách có qui tắc. Đời nhà Nguyên, Hoạt Bá Nhân theo thực tế mà nhận ra rằng hai mạch nhâm đốc trong kỳ kinh bát mạch có những huyết riêng, nên xếp đồng đẳng với 12 kinh kia, viết thành cuốn “Thập Tứ Kinh Phát Huy”. Ngày nay người ta vẫn gọi “Thập Tứ Kinh” chính là khởi đầu từ lúc này. Thời Minh, Dương Kế Châu, tập hợp tất cả những công trình từ trước, thêm kinh nghiệm trị liệu của chính mình viết thành bộ Châm Cứu Đại Thành. Bộ này nội dung hết sức phong phú, quả thực đáng gọi là đại thành và là một bộ sách tham khảo quý giá cho đời sau.

Về phương diện ngoại khoa, cứ như sử sách, cuối đời Đông Hán, Hoa Đà đã sử dụng thuốc gây mê toàn thân để khoét mụn nhọt, mổ bụng, là tài liệu về phẫu thuật sớm nhất của nhân loại. Hoa Đà là một y gia lỗi lạc, ông có sự hiểu biết toàn diện, bao gồm cả châm cứu, dược vật, chẩn đoán lâm sàng lẫn phương pháp tập luyện cơ thể. Thành tựu lớn nhất của ông thuộc phạm vi ngoại khoa, nhưng sách vở ông soạn bị hủy hết nên không còn lưu truyền. Bộ Trung Tạng Kinh của Hoa Đà hiện lưu truyền là tài liệu người đời sau thác danh ông chứ không phải thật.

Về phương diện ngoại thương, các phương thuốc cổ nhất còn có được là những toa thuốc của Lưu Quyên Tử do Cung Khánh Tuyên thu thập được. Suu tập này bao gồm nhiều loại thuốc rịt vết thương (kim sang), mụn nhọt, ngứa ngứa và các loại thuốc trị bệnh ngoài da, cầm máu, giảm đau, giải độc ... dùng hoàng liên, hùng hoàng, thủy ngân là những vị dùng để tiêu độc, giảm sưng được chế thành cao dán chỗ đau. Đời nhà Đường, Lận đạo nhân soạn quyển Lý Thương Tục Đoạn Bí Phương là cuốn sách chuyên khoa trị gãy xương cổ nhất của Trung Quốc. Trong sách chỉ phương pháp để làm liền xương bị gãy, có ghi cả các hoạt động của từng loại khớp xương. Đời

Nguyên, Ngụy Diệc Lâm soạn cuốn Thế Y Đắc Hiệu Phương, tổng kết tất cả các kinh nghiệm chữa ngoại thương, có cả phép trị gãy xương sống, so với những quốc gia khác đi trước cả năm sáu trăm năm. Đời Minh có Trần Thực Công viết Ngoại Khoa Chính Tông, đời Thanh có Vương Hồng Tự viết Ngoại Khoa Toàn Sinh Tập, một bên chủ trương ngoại trị, một bên chủ trương nội trị là hai phái chính yếu của Trung y trong ngoại khoa, đều có ảnh hưởng sâu rộng trong giới làm thuốc.

Về sản phụ khoa, Kim Quĩ Yếu Lược đã có ba thiên đề cập đến chữa đẻ, sản hậu và các chứng tạp bệnh của phụ nữ. Đến đời Đường, Tôn Tư Mạc lại càng đặt nặng phụ khoa, trong Thiên Kim Yếu Phương, phụ nhân phương đứng vào hàng đầu mặc dù không phải là sách chuyên về đàn bà. Cho đến nay sách chuyên môn về phụ khoa còn tồn tại có Cao Ân soạn quyển Kinh Hiệu Sản Bảo là xưa nhất, nhưng ảnh hưởng sâu rộng hơn cả lại là bộ Phụ Nhân Đại Toàn Lương Phương của Trần Tự Minh đời Tống. Bộ này tổng hợp tất cả sách vở viết về phụ khoa từ trước, là một bộ sách chuyên môn có phương pháp và đầy đủ. Đời Minh có Vương Khải Đường viết Nữ Khoa Chứng Trị Chuẩn Thặng và Thông Hành viết Tế Âm Cương Mục, Vạn Mật Trai viết Vạn Thị Nữ Khoa, rồi đời Thanh lại có Phó Sơn soạn Phó Thanh Chủ Nữ Khoa đóng góp rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm cho cả bốn phương diện kinh (lý luận), đới (bệnh đàn bà), thai (mang bầu), sản (sinh nở).

Về bệnh trẻ con (nhi khoa), thời Đường Tống còn lưu truyền đến nay là bộ Lô Tín Kinh, nhưng ảnh hưởng quan trọng lại là Tiểu Nhi Dược Chứng Chân Quyết của Tiền Aất và Tiểu Nhi Đẩu Chẩn Phương Luận của Trần Văn Trung (Tống). Về thuốc men thì trước kia người ta chủ trương dùng những liều nhẹ (nhu nhuận) để chữa trẻ con nhưng về sau thì nhiều y gia lại chủ trương dùng thuốc ấm và bổ (ôn bổ) để trợ lực cho bệnh nhân đối kháng

với bệnh tật. Về các loại thang thuốc (phương trị) thì thế kỷ thứ 16 về trước đã biết phương pháp tiếp chủng ngừa bệnh đậu mùa (tương tự việc chủng đậu của Tây y). Đối với bốn chứng chẩn, đậu, kinh, cam là bốn loại bệnh thông thường của trẻ con, việc chẩn đoán và trị liệu đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm qua nhiều triều đại. Đời Minh có Vạn Mật Trai, đời Thanh có Hạ Vũ Chú, Trần Phục Chính, Trang Tại Điền tất cả đều dày công nghiên cứu và phát huy những chứng bệnh của trẻ em.

Lược qua như thế chúng ta thấy y học của Trung Hoa tích lũy do kinh nghiệm, dần dần thoát ra được những phương pháp mê tín, thần quyền. Càng về sau, y gia càng có thêm những phát huy mới, đời nào cũng có những nhân tài nên Đông y mỗi lúc một thêm phong phú. Thời cổ, do nhu cầu sinh hoạt và hoàn cảnh thiên nhiên, người ta đặt nặng trị liệu và phương dược ngoại thương nên những thành tựu ban đầu chú trọng về chữa trị bên ngoài. Ta thấy có Hoa Đà và Thương Hàn Luận của Trương Trọng Cảnh đời Hán, đời Nguyên thì có Thế Y Đắc Hiệu Phương của Ngụy Diệc Lâm, đời Minh có Ôn Dịch Luận của Ngô Hựu Khả đều là y học chữa trị những chứng bệnh thông thường mà quần chúng mắc phải.

Về phương diện phát triển, thoát đầu y học và vu thuật (chữa bệnh theo lối trừ tà) chen lẫn với nhau. Thời đó, giới vu hích (tức pháp sư, đồng cốt) dùng bùa chú, cúng tế và tà thuật, là giai cấp được coi trọng nên thường xen lẫn pháp thuật với một số thuốc men, trị bệnh cho người. Chính y gia cũng bị ảnh hưởng của bọn thầy pháp nên y thuật thời đó cũng mang một số dấu vết của đồng cốt. Tuy nhiên càng ngày hai bên càng tách rời và những thầy thuốc chân chính như Biền Thước, Trương Trọng Cảnh đều chống lại bọn vu hích, không chấp nhận chữa bệnh bằng thần quyền. Xã hội càng phát triển, vị thế của y thuật càng lên cao.

Trong Hán Thư, Nghệ Văn Chí, y học được gọi là phương kỹ (một kỹ thuật),

chia làm bốn loại gồm y kinh loại (phép lý giải và cơ sở luận đoán), kinh phương loại (các thang thuốc, dược thảo), phòng trung loại (phép giao tiếp nam nữ, thuật phòng the), và thần tiên loại (phương pháp luyện đan, tu tiên, thuốc trường sinh). Hai loại đầu là y học nhưng hai loại sau mang tính chất huyền môn, phần lớn do bọn phương sĩ bịa đặt và phóng đại, nhiều khi tưởng tượng ra mà chưa được chứng nghiệm. Kiến thức và kinh nghiệm y dược được dùng vào việc tìm thuốc trường sinh, nên bên cạnh y dược học, lại thêm những phái luyện đan tu tiên, bào chế các loại dược vật và sinh ra nhiều môn ra khỏi hẳn ý nghĩa của y khoa. Trong lịch sử y học, các y gia chân chính luôn luôn phải đối phó với giới thuật sĩ, và chính vì sự cạnh tranh này mà hai bên đều cố gắng tìm tòi và sách vở về y thuật, phương thuật càng ngày càng nhiều. Chẳng hạn như trong dược vật học, Bản Thảo Cương Mục của Lý Thời Trân cũng đã phê phán các loại thảo mộc do giới luyện đan tu tiên như Cát Hồng, Đào Hoàng Cảnh đưa vào, đem khoa học phân tích và loại trừ những loại thuốc men tà môn khiến cho ngành dược thảo của Trung Hoa có màu sắc khoa học hơn.

Về phương diện lý luận, khi văn hóa Trung Hoa xoay quanh thuyết thiên nhân tương dữ, một số nho gia, đạo gia và phương sĩ đem luật âm dương ngũ hành vào dùng giải thích cơ thể con người khiến cho y học mất tính chất thực nghiệm mà trở thành thuần lý, lại mang tính chất thần bí, huyền hoặc. Nội Kinh đem trộn lẫn với hình nhi thượng học của Đổng Trọng Thư khiến cho y học bị trói buộc trong mớ lý luận tối mù không tìm ra lối thoát. Phải đến đời Đông Hán, nhà y học trứ danh Trương Trọng Cảnh trong tác phẩm Thương Hàn Tạp Bệnh Luận mới căn cứ trên kinh lạc, tạng phủ và kinh nghiệm chữa trị, chẩn đoán của ông phá vỡ được những lý giải huyền học vốn dĩ làm bế tắc y khoa Trung Hoa. Có thể nói, đây là một cuộc cách mạng lớn vì cho đến thời kỳ này, người ta vẫn tin rằng thuyết âm dương ngũ hành

là một loại thánh thư mặc khải từ trời cao, một chìa khóa có thể mở được mọi loại cánh cửa nếu chịu suy ngẫm cho đến nơi đến chốn.

Một điều đáng nói là không phải riêng y khoa, nhiều ngành học khác cũng không ra ngoài thông lệ là trừu tượng hóa mà quên đi phần thực nghiệm nên đi quá trớn. Cụ thể nhất, học thuyết ngũ vận lục khí (gọi tắt là vận khí học thuyết), tin tưởng rằng có thể tính toán, ngày giờ, can chi để suy diễn ra nguyên nhân và phương pháp trị liệu bệnh tật, đến nay vẫn còn được nhiều người tin theo, coi như một trình độ cao của y học, dùng hình nhi thượng học để tìm đáp số cho hình nhi hạ. Những y gia có quan điểm khoa học hơn đều chống lại phương pháp này. Đời Minh ta thấy có Mục Trọng Thuần coi thuyết ngũ vận lục khí là hoang đường, không phải con đường chính đáng của y gia, những người nổi tiếng như Tàn Việt Nhân (Biển Thước), Trương Trọng Cảnh, Hoa Đà đều không nói gì đến số học.

Về được học, từ đời Tống trở về sau, có nhiều học phái, học thuật chẳng hạn như Lưu Hà Gian (Hoàn Tố) chủ trương “Lục Khí đều do Hỏa hóa thành”, “Ngũ Chí đi đến cực độ đều sinh Hỏa” nên khi dùng thuốc lấy các vị có tính mát, tính hàn làm chủ, là đại biểu cho hàn lương phái, Trương Tử Hòa thì đề xướng “Đuổi được tà thì an được chính”, trị bệnh chủ trương làm sao ra mồ hôi, nôn, hay đại tiểu tiện là chủ yếu là đại biểu của công hạ phái, Lý Đông Viên thì đề xuất “Thổ là mẹ của muôn loài”, trị bệnh lấy bổ tì vị là căn bản, là đại biểu cho bổ tì phái, Chu Đan Khê (Chấn Hanh) cho là “con người thường thừa dương mà thiếu âm” nên trị bệnh lấy tư âm làm chính, đại biểu cho tư âm phái. Đó là bốn phái chính trong việc chữa trị, người ta gọi là Tứ đại gia.

Nói chung thì cả bốn phái đều có chỗ đặc sắc riêng, cho rằng “toa thuốc cũ không chữa được bệnh mới (cổ phương bất năng trị kim bệnh)”, nên đưa ra được nhiều cách giải thích khác nhau khiến cho y học thêm phong phú.

Chẳng hạn như hàn lương phái đã thay thế phương pháp trước đây trị cảm mạo từ tân ôn chuyển sang các vị tân lương là một chuyển biến quan trọng và thay đổi quan niệm về các chứng ôn bệnh, và phương pháp nhận bệnh cũng thêm độc đáo. Bỏ tì về sau biến thành ôn bỏ phái, những danh y như Triệu Dưỡng Quỳ, Trương Cảnh Nhạc đã đưa mệnh môn học thuyết, là cơ sở chính yếu về lý luận tạng phủ của y học Trung Hoa.

Phong khí học thuật đó ngày thêm phát triển, thêm tiến bộ. Đời Minh, Ngô Hựu Khả đưa ra lý thuyết là nguyên nhân của bệnh truyền nhiễm là do một loại khí có tên là “lệ khí”, không thuộc vào những loại cũ như phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa mà người xưa đã phân loại. Bệnh thuộc về loại này xâm nhập do miệng và mũi, không do bì phu (da dẻ) mà vào. Đó cũng là một nhận thức mới mẻ so với thời trước, gần với Tây y hơn. Đời Thanh, Vương Thanh Nhiệm lại coi trọng việc giải phẫu, viết bộ “Y Lâm Cải Thác”, đính chính lại những sai lầm của sách cũ về mặt mổ xẻ, đưa ra lý luận mới về các chứng ung sang, ứ huyết. Hai quan điểm đó tuy chỉ mới khái quát nhưng quả là một đóng góp có giá trị về phương diện thực tiễn cho khoa Đông y.

Tuy nhiên, vì khoa học tự nhiên chưa phát triển, chưa có những phương tiện để nghiên cứu sâu xa hơn nên đông y bị ngừng lại tại đây mà không tiến vào khoa vi trùng học hay cơ thể học như Tây y được. Ngoài ra, chưa ai nghĩ đến y tế đại chúng và những vấn đề mang tính chất xã hội cũng không được nghiên cứu đến nơi đến chốn, khoa dinh dưỡng cũng chỉ hoàn toàn khái niệm chứ không cụ thể. Tuy Lý Đông Viên có nhận định là việc ăn uống đối no thất thường có ảnh hưởng đến tì vị, nhất là làm việc quá độ sẽ gây ra nội thương, nhưng cũng chỉ đi đến kết luận “thổ là mẹ của vạn vật” (tì thuộc thổ), nên chữa các bệnh lao dịch phải dùng thuốc bổ tì, chứ không đưa ra những phương pháp ăn uống hay sinh hoạt nào sâu xa hơn, vẫn chỉ nằm trong một mớ lý luận trừu tượng, không thiết thực.

Còn “tư âm học thuyết” của Chu Đan Khê tuy trên phương diện y học là tập hợp các sở trường của cả Lưu Khả Gian, Lý Đông Viên nhưng lối lý luận “dương động âm tĩnh, con người dương thường có thừa mà âm không đủ” là mượn lối lý luận của Chu Hi trong hình nhi thượng học của Tống nho, nghĩa là cũng như nhiều ngành khác chỉ tưởng tượng mà không so sánh đối chiếu với thực tế, nhất là hoàn toàn không dựa trên phương pháp thống kê xã hội để hỗ trợ cho quan điểm của mình. Đó cũng là một khuyết điểm chung của nhiều ngành Đông phương học, thuần suy diễn mà thiếu hẳn phần thực nghiệm, thích đưa ra những khẳng định mà không đưa ra cơ sở nào để bảo chứng. Những ai nghiên cứu về phong thủy, tướng thuật, tử vi, tử bình đều thấy điểm này.

Chu Hi cho rằng thái cực là lý, có trước khi khí sinh ra, nên thái cực sinh âm dương, một động một tĩnh, tuần hoàn không ngừng, rồi từ đó sinh sinh hóa hóa ra ngũ hành, vạn vật. Chu Đan Khê soạn bộ “Cách Chí Dư Luận” cũng do quan điểm này mà ra. Chu Đan Khê còn đem hiện tượng “âm hư dương kháng” trong y học để suy rộng ra xã hội, cho là lý luận “chủ hỏa” trong Nội Kinh cũng không khác gì quan điểm “ngũ tính cảm động” của phái lý học, “âm đạo hư” trong Nội Kinh cũng giống như “dưỡng âm” trong Lễ Ký. Nếu như con người phải hành động có chừng mực (động giai trúng tiết) thì cũng đó cũng là theo đạo “trung dung” của Khổng tử. Ông chủ trương tu tâm dưỡng tính, không nên “tương hỏa” nghĩa là vọng động, lại phải đem quan điểm “an thiên mệnh” áp dụng vào y học. Quan điểm này cũng có điểm hay gần giống như quan điểm sống cho phù hợp với thiên nhiên ngày nay, nhưng cũng đôi khi đi vào chỗ hủ, câu nệ và cứng nhắc. Từ đó trở đi, một thành phần y gia mới xưng là Nho Y, là những người học hành thất chí, không thành đạt chuyển sang làm nghề thuốc (bất vi lương tướng, tiện vi lương y), đem phương pháp lý luận và nguyên tắc của nhà nho

vào y khoa. Chính vì thế mà một số nhà nghiên cứu đã lên tiếng chỉ trích, vì những thầy thuốc nửa mùa này hoàn toàn không có kinh nghiệm chữa bệnh mà chỉ hoàn toàn thuần túy lý luận mà thôi. Những người này lại đem quan điểm từ chương vào y học, nghĩa là tôn Nội Kinh và Thương Hàn Luận lên thành những “thánh kinh hiền truyền” coi đó là những chân lý tuyệt đối phải theo, không dám thay đổi một chữ một nét. Thành ra những gì gọi là thay đổi hay mới mẻ đều bị lên án là “lý kinh phản đạo” hay “dị đoan tà thuyết”, và chính từ đó làm cản trở bước tiến của y thuật Trung Hoa. Không cứ gì ngành thuốc, nhiều ngành khác cũng lâm vào hoàn cảnh tương tự và một đám hủ nho luôn luôn chống đối những gì khác với lối suy nghĩ của họ. Cái tệ nạn “duy ngã độc tôn” ấy không phải chỉ có ở Trung Hoa mà cho đến nay ở đâu cũng có người vẫn không chấp nhận một lối suy nghĩ khác với suy nghĩ của mình. Cho nên mặc dầu Tống nho đóng góp nhiều công lao cho việc xiển dương tư tưởng Nho gia, hậu thế vẫn lên án họ và những người theo đường lối của họ vì thái độ câu nệ và bài xích đó.

Chính vì sự phức tạp của nhiều môn phái và đường hướng trong y thuật Trung Hoa, hậu nhân cần phải phân biệt và tìm hiểu thêm, ấn chứng với tân học cũng như loại trừ những “cặn bã”, phần lớn không do kinh nghiệm và y án cụ thể mà chỉ thuần túy do lý luận mà ra. Mỗi môn phái đều có chỗ độc đáo, nhưng không môn phái nào giải quyết được mọi vấn đề và những người có quan niệm chín chắn bao giờ cũng tham bác nhiều phương pháp khác nhau cũng như phải dựa theo số liệu và khảo sát của phương pháp khoa học. Phái hàn lương cho ta phương pháp trị ngoại cảm, phái công hạ có những phương pháp trị cấp tính về đường ruột, mệnh môn học thuyết và thận âm thận dương, có thể áp dụng trong việc định bệnh liên quan đến các tuyến biến dưỡng và nội tiết.

Cho đến nay, phần lớn các nhà nghiên cứu đều cho rằng một sự dung hợp

hai đường lối Tây y và Đông y có thể đem lại những kết quả tốt. Một số thảo mộc dùng trong Đông y nay cũng đã thịnh hành ở Tây phương và nhiều môn như châm cứu, chỉ áp (ấn huyết bằng ngón tay) đã được công nhận như những phương pháp trị liệu bổ túc. Một số hình thức dưỡng sinh của Đông phương như nhập định (meditation), khí công, án ma (xoa bóp), Thái Cực Quyền ... cũng được nhiều y gia nghiên cứu tìm tác dụng tích cực của những môn này trong sinh hoạt hàng ngày, để ngừa hay trị bệnh. Ngược lại, Đông y cũng áp dụng những phương pháp đo lường, máy móc thử nghiệm mà Tây y vẫn dùng vào việc khám nghiệm để gia tăng hiệu năng và sự chính xác. Nhiều ngành trước đây phải đòi hỏi một thời gian thực hành lâu để có kinh nghiệm như thiết chẩn (xem bệnh bằng lưỡi), thiết chẩn (xem mạch bằng cổ tay) đã được đo lường bằng máy móc và đem lại kết quả chính xác hơn lối cũ. Một số ngành mới tuy khởi nguyên từ Đông y nhưng lại được khai triển và phát huy bằng kỹ thuật Tây phương như nhĩ châm (auriculotherapy), tức phương pháp châm vào các huyết ở tai để trị bệnh. Châm cứu (acu-moxotherapy) cũng được dùng để trị một số bệnh sau khi được chẩn đoán bằng phương pháp Tây y. Tuy nhiên, cái gì cũng có giới hạn của nó và làm thế nào khai thác sao cho kết quả nhiều nhất bằng phương tiện ít nhất vẫn là một vấn đề, vì thực tế mỗi người phải tự tìm lấy con đường cho chính mình hơn là tuân theo những qui luật bất biến.

Trong những năm gần đây, tại Hoa Kỳ, một số đông người Mỹ đã quan tâm đến những phương pháp của Đông phương và dùng vào việc trị bệnh luân chuyển (alternative medicine) bên cạnh những phương pháp trị liệu của Tây y. Người Việt chúng ta dẫu sao cũng bị ảnh hưởng nhiều của văn hóa Trung Hoa nên việc dung nạp không mấy khó khăn và thường gia đình nào cũng phối hợp cả thuốc tây và thuốc nam, thuốc bắc, cả nội khoa lẫn ngoại khoa, nhất là trong việc phòng và trị bệnh thông thường.

Phương pháp và biện chứng của y thuật Trung Hoa

Đông y bao gồm cả hai phần thực nghiệm lẫn lý luận. Thực nghiệm do kinh nghiệm mà có, còn lý luận do suy đoán mà nên. Cơ sở lý luận bao gồm âm dương, ngũ hành, khí huyết tân dịch, kinh lạc, tạng phủ ..., xiển thuật kết cấu cơ thể và tổ chức của con người, nhận định công năng của mỗi bộ phận, tìm hiểu nguyên nhân rồi đề ra một phương thức chữa trị.

Cho nên Đông y bao gồm pháp (phép tắc trị bệnh) và phương (toa thuốc chữa), tùy từng y gia, có người chuyên về phép tắc, có người chỉ đặt nặng về phương, nghĩa là sưu tầm một số toa thuốc nhất định, ai đau bệnh gì thì dùng toa đó, và cũng có người phối hợp cả hai. Căn bản việc định bệnh bao gồm tứ chẩn (bốn phép chẩn bệnh), bát cương (tám cách biện luận), phân khí huyết, tạng phủ, bệnh tà, nội ngoại. Về phương, có các cách bào chế và phối hợp thuốc men, gia giảm loại này loại khác để đưa ra toa thuốc chữa từng loại bệnh. Giản thuật những phương pháp trên như sau:

Âm dương ngũ hành: Âm dương ngũ hành là nguyên tắc mà người xưa dùng để phân loại và nhận định thiên nhiên, dùng làm cơ sở để suy luận trong đông y. Đối với cơ thể con người, âm dương được dùng để phân khí huyết, tạng phủ, ngũ hành tương ứng với ngũ tạng và lẽ tương sinh tương khắc dùng giải thích liên quan giữa bộ phận này với bộ phận khác. Về bệnh lý, âm dương phân bệnh ra hàn nhiệt, hư thực, và lẽ ngũ hành sinh khắc được dùng để giải thích bệnh này liên quan đến bệnh kia, và luôn cả giải thích các loại dược vật để chữa bệnh.

Khí huyết tân dịch: là bốn loại lưu chất hoạt động trong cơ thể. Về phương diện lý luận, y gia Trung Hoa đưa ra lý luận về sự sinh thành của các loại và nếu như thất điều sẽ đưa đến bệnh tật. Tạng phủ: bao gồm ngũ tạng và lục phủ. Ngũ tạng gồm tâm, can, tì, phế, thận còn lục phủ là đởm, vị, đại trường, tiểu trường, bàng quang và tam tiêu.

Kinh lạc: là hệ thống liên lạc giữa các cơ quan trong cơ thể con người, từ trong ra ngoài, gân, da, thịt, xương để thành một khối thống nhất. Lý luận kinh lạc đưa ra các nguyên lý và tuần hoàn các lộ tuyến, công năng và tác dụng, và các chứng bệnh thể hiện do các bế tắc của kinh lạc.

Nguyên nhân bệnh tật: chỉ các nguyên nhân gây ra bệnh mà Trung y đề ra bao gồm cả nguyên lý và nguyên nhân của bệnh tật. Về nguyên lý, y học Trung Hoa nhấn mạnh vào việc quân bình âm dương, coi việc tăng cường sức mạnh nội tại để chống lại ngoại tà là việc hết sức quan trọng. Trong khi Tây y chủ trương dùng thuốc để trợ lực con bệnh, hoặc thay thế con bệnh chống với vi trùng, thì Đông y chủ trương làm mạnh con bệnh để tự mình chống lại bệnh. Dĩ chính tại nội, tà bất khả can (nếu chính ở bên trong thì tà không thể xâm nhập) hay tà chi sở thấu, kỳ khí tất hư (nếu như tà có thể đến ắt là khí đã hỏng). Phương pháp làm tăng cường hệ thống miễn nhiễm hiện nay cũng đã được Tây y đề cao và đang được nghiên cứu trong việc chống lại bệnh ung thư

Tứ chẩn: là những phương pháp của y gia dùng để chẩn đoán bệnh (lâm sàng) gồm có vọng (inspectio, nhìn), văn (auscultatio et olfactio, ngửi và nghe), vấn (interrogatio, hỏi) và thiết (palpatio, bắt mạch bằng tay hay nhìn lưỡi). Những phương pháp này không được sắp xếp một cách khoa học vì bị hạn chế bởi thời đại và tiến bộ trong các ngành khác nên phần lớn do kinh nghiệm và trực quan của y gia. Tuy nhiên, trong bốn phép vọng quan vấn thiết, mạch chẩn (bắt mạch) và thiết chẩn (nhìn lưỡi) là những phương pháp hết sức tinh tế, và ngoài việc coi bệnh do trực tiếp ghi nhận, còn một phần lý luận biện chứng rất phức tạp.

Bát cương biện chứng: chủ yếu của bát cương biện chứng bao gồm phân biệt âm dương, biểu lý (bên ngoài, bên trong), hàn nhiệt, hư thực. Âm dương là tổng cương, còn biểu, nhiệt, thực là các chứng dương, còn lý, hàn, hư là các

chứng âm. Y gia dùng biểu lý để xem bệnh nặng nhẹ, dùng hàn nhiệt để xem tình trạng, còn hư thực để xem chính tà xem mạnh yếu thể nào.

Khí huyết biện chứng: là phương pháp xem bệnh thuộc khí hay thuộc huyết để biết là khí hư hay huyết hư, khí trệ hay huyết ứ, huyết nhiệt ... ngõ hầu xem bệnh sẽ biến chuyển ra sao mà tìm cách chữa.

Tạng phủ biện chứng: Người thầy thuốc căn cứ trên nhận định và chẩn đoán con bệnh bao gồm đặc điểm và tương quan giữa các bộ phận, xem bệnh tình sẽ biến hóa ra sao, xem xét âm dương, khí huyết rồi đưa ra phương pháp chữa trị.

Bệnh tà biện chứng: Căn cứ vào hiện tượng con bệnh, những đặc điểm mà phân ra ngoại tà (bệnh từ ngoài xâm nhập) hay thể nội (bệnh từ trong cơ thể mà ra) rồi từ đó đưa ra một đường lối tổng quát để chữa bệnh.

Ngoại cảm nhiệt bệnh biện chứng: Là phương pháp trị những bệnh mà ngày xưa người ta cho là do tà khí xâm nhập, chẳng hạn như cảm mạo, ôn dịch. Về các chứng này y gia sử dụng thương hàn học thuyết và lục kinh biện chứng cùng vệ khí và doanh huyết để chữa.

Trị tắc và trị pháp: Trị tắc là nguyên tắc chữa bệnh lấy từ quan điểm “trị bệnh tất cầu ư bản (chữa bệnh phải chữa ở gốc)” để xem bệnh hoãn hay cấp (đến chậm hay đến mau), chính tà thịnh suy ra sao, âm dương cường nhược thể nào để dùng một trong những cách thức cấp trị, hoãn trị, khử tà, phù chính, điều chỉnh âm dương mà áp dụng. Trị pháp là phép cụ thể dùng trị bệnh, áp dụng ngay cho người bệnh để thực hiện những nguyên tắc mà người thầy thuốc đưa ra chẳng hạn như hãn (sudatio, làm chảy mồ hôi), thổ (vomitio), tả (purgatio), thanh (làm mát cơ thể), hòa (composio), ôn (tepefactio), bổ (suppletio), tiêu (dispulsio), khai khiêu, trấn nạp ...

Để có cái nhìn rõ ràng về y thuật của người Trung Hoa, chúng ta cần biết qua một vài khái niệm:

Quan niệm chỉnh thể: Có người cho là quan niệm chỉnh thể của Đông phương rất cao siêu, có người lại cho rằng quá đơn sơ và ấu trĩ. Quan niệm đó bao gồm hai phần:

Trong cùng một con người, có hai phần âm dương và chính từ những cơ bản của tính chất âm dương, mà phân ra thành trên dưới, trong ngoài, biểu lý.

Cũng do âm dương mà phân các bộ phận trong con người thành tạng và phủ, khí và huyết ... Tất cả sự vận động trong con người không ngoài các nguyên lý tương sinh tương thừa của âm dương, ngũ hành mà ra. Cho nên hiểu được thuyết âm dương ngũ hành là có thể đoán định được sự vận hành của cơ thể. Cái lẽ âm dương tiêu trưởng, khí huyết sinh hóa đó đều do sự mâu thuẫn đối đãi mà hình thành, nếu như không đúng cách sẽ đưa đến sự phá hoại và sinh ra bệnh tật. Thành thử âm dương thất điều, huyết khí bất hòa là căn nguyên của mọi chứng bệnh.

Về phương diện tương quan giữa con người và thiên nhiên, con người với trời đất tuy khác biệt nhưng vẫn cùng một thể, con người phải sống thuận theo lẽ tự nhiên và tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi cho hợp với tiết điệu của vạn vật. Con người được coi như một tiểu vũ trụ trong đó bao gồm mọi hình tướng mà vũ trụ hiển hiện. Chính vì cá nhân là một tiểu thiên địa nên tự nó có những cơ năng điều chỉnh một khi bị lệch lạc. Y sư là người giúp cho sự tái lập quân bình ấy được mau chóng và đúng đắn hơn, nhưng chính bản thân con bệnh là yếu tố tích cực nhất để chữa bệnh. Người thầy thuốc hoàn toàn không có khả năng cải tử hoàn sinh nếu bệnh nhân đã mất đi cơ năng phục hồi.

Biện chứng trị liệu: là phương thức suy luận cụ thể khi gặp con bệnh, bao gồm hai phần, phần lý luận (biện chứng) và phần áp dụng những suy luận đó trong phương pháp chữa trị (thi trị). Biện chứng là tiền đề của thi trị, còn thi trị là mục đích tối hậu của biện chứng. Tứ chẩn là phương pháp đi tìm các

yếu tố để luận đoán, tức sưu tầm dữ kiện, sau đó dùng bát cương, tạng phủ, và nguyên nhân gây ra bệnh để phân định rồi theo những cách thức tương ứng mà chữa trị. Tuy nhiên như đã nói ở trên, thuốc men chỉ là một phần của việc trị liệu. Trên nguyên tắc trị bệnh từ khi chưa có bệnh, một đời sống lành mạnh làm giảm thiểu tối đa những mầm bệnh là phương thuốc hay nhất. Ăn uống, dưỡng sinh, thể dục, và sinh hoạt tinh thần đều là những phương thuốc để ngăn ngừa bệnh tật. Chính vì thế mà việc dùng thuốc, đau đâu chữa đó được coi là bá đạo nghĩa là hạ sách trong việc trị bệnh, đứng sau đế đạo (trị bệnh từ lúc chưa bệnh nghĩa là sống hợp với lẽ tự nhiên, ăn uống sinh hoạt cho phải phép) và vương đạo (trị bệnh bằng cách dùng thuốc tái lập quân bình).

Kết luận

Khi tìm hiểu về Đông phương, hầu như bất cứ ngành nào cũng có những phần thật cao, nhưng cũng không hiếm những điều thật thấp. Chính vì thế một sự lựa chọn và cân nhắc là điều cần thiết, vì ở đâu cũng có nhiều góc cạnh khác nhau mà tùy theo mỗi người, chúng ta có cảm quan riêng về ngành đó. Y thuật cũng vậy, một phần được nghiên cứu và lưu truyền bằng những huyền thoại, mà người ta nghĩ rằng do những siêu nhân để lại, bằng kinh nghiệm hay bằng trước thuật, nhưng mặt khác lại có rất nhiều phương thuốc, chữa mẹo, bằng lá lầu của dân gian, do những thầy lang vườn sưu tầm, lại cộng thêm những ngoại khoa, pháp thuật, có khi cả một chút tâm lý học giản dị mà người ta gọi là chữa mẹo. Thành ra, khi nghiên cứu về phương thức trị và chữa bệnh, ngừa bệnh, hầu như chúng ta bị rơi vào một mê lộ trùng điệp giữa khen và chê, giữa bênh và chống.

Trước đây trong ngành y khoa lại không có một chương trình huấn luyện có cơ sở, mà tùy theo cái cơ duyên mỗi người. Người vì thất bại trên đường khoa cử nên xoay sang làm thuốc, người khác có một vài phương thuốc gia

truyền nên tiếng lành đồn xa, nhiều người đến nhờ cậy và nghiêm nhiên thành một ông lang. Chính cái thực tế đó đã khiến cho những nhà khoa học phương Tây vốn trọng những cơ bản trường ốc không khỏi nghi ngờ về giá trị của những khoa học Đông phương. Ngay chính người Tàu trong một giai đoạn mà họ bị choáng mắt trước nền văn minh vật chất và sức mạnh của súng đạn cũng phủ nhận nền y học truyền thống và phương pháp cổ điển. Thời Dân Quốc, chính quyền Trung Hoa đã ban hành một đạo luật bãi bỏ việc dùng thuốc bắc trên toàn quốc nhưng phải thu hồi vì họ chưa có một hệ thống và mạng lưới y tế hoàn chỉnh cho mọi người. Đối với Âu Tây, người ta không quan tâm tới những gì ngoài thế giới của chính họ. Chỉ mới gần đây, khi một số nhà nghiên cứu đi tìm những căn nguyên khoa học của Á châu mới ý thức rằng đây là một trong những nền văn minh có chiều sâu mà trước đây người ta chỉ nhận định một cách hời hợt bề ngoài.

Hơn một trăm năm trước, khi Tây phương tìm ra được vi trùng là đầu mối của nhiều chứng bệnh truyền nhiễm, họ đã tin tưởng rằng khoa vi trùng học (bacteriology) sẽ là chìa khóa mở được nhiều, nếu không nói là mọi cánh cửa trong việc chống lại bệnh tật. Quả thực nhiều bệnh dịch trước đây là mối đe dọa lớn cho nhân loại nay gần như hoàn toàn biến mất, nhiều bệnh hiểm nghèo cũng đã hoàn toàn kiểm soát được trong những quốc gia có một hệ thống vệ sinh và y khoa khả quan. Những con số thống kê về y tế đại chúng đã chứng minh điều đó. Số tử vong của trẻ em sơ sinh tụt hẳn đi, và đời sống con người cũng kéo dài ra nhiều. Quan niệm “thất thập cổ lai hi” không còn đúng vì tuổi thọ trung bình đã kéo dài trên 70 tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên việc loại trừ tất cả mọi bệnh tật vẫn còn là một niềm mơ ước, vì tuy một số căn bệnh không còn đe dọa con người thì một số chứng khác – không do vi trùng gây ra mà do đời sống con người mất quân bình – lại có nguy cơ nảy nở nhanh trong một số khu vực. Trong khi tại những quốc gia nghèo đói,

tình trạng thiếu dinh dưỡng (undernutrition) đã đưa đến nhiều bệnh suy nhược như lao phổi, còi xương, chậm lớn, đần độn ... thì tại những quốc gia giàu có những căn bệnh liên quan đến việc thất điều và dinh dưỡng không đúng cách (malnutrition) như ung thư, tim mạch, tiểu đường ... lại gia tăng. Tuy những tiến bộ y khoa hiện đại có làm chậm lại một số triệu chứng và kéo dài sự hấp hối cho một số bệnh nhân nhưng đó chưa phải là câu trả lời đích thực nếu mục tiêu cuộc đời phải là sống vui, sống mạnh. Trong tác phẩm Y Khoa Trong Khủng Hoảng Của Thời Đại Chúng Ta (Medicine In The Crisis Of Our Times), bác sĩ Arthur Jores đã thấy rằng Tây y phải bó tay và “nhiều trường hợp chỉ giữ cho con bệnh khỏi chết mà không phục hồi sức khỏe cho họ và đó là nguyên nhân chính của những bệnh kinh niên (In many cases medical science prevents the patient from dying without restoring him to health. It is thus a primary cause of chronic illness)”. Cuộc chiến chống bệnh tật chuyển hướng từ những bệnh truyền nhiễm sang những bệnh do sự rối loạn của hệ thống sinh lý và tim mạch, mà sự chuyển hướng này đã gây ra sự tốn phí nhiều hơn, và sự thành công mỗi lúc một mờ hồ. Ngoài những nguyên do kinh tế và tài chánh, việc quay về với một số phương pháp chữa trị, cũng phần nào do sự thất vọng hay tuyệt vọng của bệnh nhân trong phương pháp y khoa hiện đại. Đó là chưa kể nhiều chứng vẫn bị coi là có thể trị nhưng không thể chữa (treatable but incurable, nghĩa là dùng thuốc có thể giúp cho người bệnh sống còn nhưng không trị được dứt hẳn) lại có thể chữa lành bằng những phương pháp được mệnh danh là “không chính thống (unconventional)”. Chắc chắn không ai trong chúng ta phủ nhận những đóng góp và tiến bộ hết sức vĩ đại của Tây y trong một trăm năm qua, nhưng không phải vì thế mà không nhìn lại nhiều vấn đề, nhất là trong một thời kỳ mà nhiều thành tựu to lớn của Tây phương đang bị thách đố, trong đó có cả những vấn đề xã hội, kinh tế hay chính trị.

Phải nói là Đông y đã tạo được những sắc thái hết sức độc đáo trong cả lý luận về cơ năng con người, biến hóa của bệnh lý, và cách chẩn đoán bệnh tật, phương pháp trị liệu. Mà đó không phải chỉ riêng y khoa, nhiều ngành khác người Trung Hoa cũng đã có những kho tàng hết sức phong phú mà mãi gần đây người Âu châu mới khám phá ra được. Càng ngày người ta càng tìm ra được những tài liệu khoa học rất sớm ở Trung Hoa và hiện nay nhiều học giả đang tìm cách giải thích tại sao một nền văn minh bề thế như vậy bỗng dưng đứng chững lại trong nhiều ngàn năm. Những ai nghiên cứu về Trung Hoa không thể không để ý tới bộ sách vĩ đại về khoa học và văn minh do Viện Nghiên Cứu Needham liên tục ấn hành từ gần 50 năm qua (The Science and Civilisation in China, Cambridge University Press) để nghiên cứu chuyên về những khoa học mà người Tàu đã phát triển. Tất cả học thuật và văn minh của người Trung Hoa xoay quanh học thuyết âm dương, ngũ hành biến hóa và học thuyết này lại không ra ngoài quan niệm thiên địa vạn vật đồng nhất thể, thiên nhân tương dữ. Người phương đông coi cá nhân là một phần của vũ trụ, của thiên nhiên nên việc sống hòa hợp với thiên nhiên là chân lý tối hậu của đời sống. Việc tìm hiểu về y học Đông phương sẽ giúp cho chúng ta mở một cánh cửa mới nhìn con người như một thực thể toàn diện hơn là chia cắt cơ thể thành những mảnh mún li ti. Khi tách rời một bộ môn thành một khoa học riêng rẽ để phán đoán, người Tây phương không khỏi có cái nhìn cục bộ và phiến diện. Người ta vẫn nghĩ rằng khi nghiên cứu về Trung Hoa thì trọng tâm phải nghiên cứu là Nho giáo và các học thuyết chính trị. Thực ra, căn bản chính yếu của cả nền văn minh Hán tộc nằm trong hệ thống Đạo giáo (Taoism) vì từ đó nảy sinh ra tất cả mọi chi lưu, từ cao tới thấp, từ trong đến ngoài. Đời sống người Tàu đi rất gần gũi những sinh hoạt và tập tục bắt nguồn từ Đạo giáo mà dù ở đâu, giai cấp nào họ cũng vẫn áp dụng một cách nghiêm túc. Đó là những chỉ dấu họ

dùng làm cái áo lót mình, gắn chặt với đời sống riêng của họ dẫu rằng cái tên đã đổi hẳn vì nhu cầu sinh tồn và vươn lên.

Ngày hôm nay, chúng ta cần có một quan điểm dung hợp Đông Tây, áp dụng sự tiến bộ to lớn của Tây Y để chữa trị những bệnh tật liên quan đến vi trùng, mỗ xẻ nhưng cũng đừng quên cái áo diệu của Đông phương trong việc tạo một đời sống quân bình, và trị bệnh từ khi chưa có bệnh. Chúng ta cần đánh giá một cách sáng suốt những kinh nghiệm và biện chứng trong Đông y, đồng thời biết gạn đục khơi trong, tìm ra được những gì còn thực dụng để khai triển đồng thời cũng loại trừ những suy luận có tính chất thuần lý, dựa vào một số tín điều của hình nhi thượng học, mà quên rằng bất cứ ngành nào cũng có những giới hạn riêng của nó. Trong một thế giới đa nguyên ngày hôm nay, trong bất cứ một bộ môn nào, kể cả những khu vực lấy tín niệm làm nền tảng như tôn giáo cũng phải tái thẩm định nhiều vấn đề, hướng chỉ một bộ môn mang màu sắc được coi là khoa học và thực nghiệm như y khoa. Cho đến giờ phút này, con người càng ngày càng đi sâu vào những tổng hợp mới, trong đó đời sống được coi là một mô hình đa phương dung chứa nhiều quan niệm, nhiều nguồn văn hóa, nhiều xu thế, lắm khi hoàn toàn đối nghịch nữa. Những quan điểm cứng nhắc, bất biến không những bị xem là lỗi thời mà còn khó có thể được chấp nhận trong một xã hội văn minh.

Tháng 12/1998

[1] Theo nhiều tài liệu khác nhau ghi chép về Biển Thước, nhân vật này xuất hiện tại nhiều nơi. Cái tên sau cùng Tản Việt Nhân là tác giả Nạn Kinh. Vì thế người ta cho rằng Biển Thước không phải là một người mà là nhiều nhân vật khác nhau trong một thời gian dài khoảng 400 năm.

Nguồn: Vietkiem
Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003